

Số: 59 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 11642/SoNNMT-MT ngày 29 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Đính kèm Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên; tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường các dự án, cơ sở ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường các dự án, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử);
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi
Thông tư số 31/2023/TT-BTC, Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về phí và lệ phí thuộc quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và
Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Xét Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều
chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo giải trình số
277/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo
thẩm tra số 643/BC-BKTNS ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về phí thẩm định cấp,
cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do cơ quan địa phương thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thực hiện thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

b) Tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

3. Tổ chức thu phí:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường các dự án, cơ sở ngoài khu công nghiệp;

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế: Thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức thẩm định.

4. Mức thu phí:

a) Mức thu đối với trường hợp cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

Số TT	Đối tượng thu phí	Mức phí thu (VNĐ/giấy phép/dự án/cơ sở)
1	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định	
-	Dự án đầu tư/cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế.	14.600.000
-	Dự án đầu tư/cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế.	10.600.000
-	Dự án đầu tư/cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế.	7.900.000
2	Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải)	12.550.000

b) Mức phí bổ sung đối với các dự án, cơ sở có thực hiện lấy và phân tích mẫu (không bao gồm mức phí quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này):

mức phí bổ sung được thu bằng với chi phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra.

c) Mức thu đối với dự án, cơ sở thuộc đối tượng thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường: 0 đồng (không thu).

Ghi chú: Mức thu phí được tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường.

5. Đối tượng miễn nộp phí:

- a) Người cao tuổi;
- b) Người khuyết tật;
- c) Người có công với cách mạng;
- d) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Quản lý và sử dụng phí:

a) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

2. Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tương ứng trong Biểu mức thu phí quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



b) Điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định:

a) Điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Quy định về mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về mức thu phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận: *RUR*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh